

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2023/DS-ST**

Ngày : 10/01/2023

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Cử & Bà Nguyễn Vũ Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 86/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Thu L**, sinh năm 1960.

- Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1985 – Là con dâu của bà L (*theo văn bản ủy quyền ngày 21/9/2022*).

Đồng trú: thôn Ng, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Biện Thị Phước L**, sinh năm 1978; có mặt.

Địa chỉ: thôn Ng, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2022 và quá trình tố tụng tại tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 15/6/2018 âm lịch, bà Biện Thị Phước L có mượn của mẹ chồng tôi (bà Lê Thị Thu L) số tiền 20.000.000đ và hẹn khi nào mẹ chồng tôi cần thì trả đủ. Đến khoảng tháng 10/2021 mẹ chồng tôi bị bệnh tai biến cần có tiền để đi viện điều trị nên đã nhiều lần yêu cầu bà Liên trả số tiền 20.000.000đ nhưng bà L hứa hẹn và không trả. Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Biện Thị Phước L trả tổng số tiền 27.000.000đ (trong đó gốc 20.000.000đ + lãi 7.000.000đ) một lần. Ngoài nội dung trên, tôi không có yêu cầu hay ý kiến khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2022 bà Lê Thị Thu L trình bày: Ngày 15/6/2018 âm lịch, bà Biện Thị Phước L có mượn của tôi số tiền

20.000.000đ, tôi đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả tiền nhưng bà L không trả. Nay tôi yêu cầu Tòa án buộc bà L trả trả tổng số tiền 27.000.000đ (trong đó gốc 20.000.000đ + lãi 7.000.000đ) một lần để tôi có tiền chữa bệnh. Ngoài ra tôi không có yêu cầu hay ý kiến nào khác.

Bị đơn bà Biện Thị Phước L trình bày: Chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền đề ngày 15/6/2018 âm lịch là của tôi và tôi thừa nhận có vay, hiện còn nợ và chấp nhận trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Thu L số tiền 20.000.000đ gốc và khoản lãi 7.000.000đ. Hiện tại hoàn cảnh gia đình tôi rất khó khăn nên đề nghị trả dần hàng tháng với số tiền 500.000đ cho đến khi hết nợ. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn trả đủ một lần tổng số tiền 27.000.000đ (trong đó gốc 20.000.000đ + lãi 7.000.000đ) một lần.

- Bị đơn thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn không có khả năng trả một lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Giấy mượn tiền ngày 15/6/2018 (âm lịch) do hai bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực. Căn cứ các Điều 116, 117, 385, 401, 463, 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn nhưng cho đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận hiện còn nợ và chấp nhận trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền 27.000.000đ (trong đó gốc 20.000.000đ + 7.000.000đ). Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3] Án phí:

[3.1] Căn cứ Điều 147 của Bộ luật dân sự khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $27.000.000đ \times 5\% = 1.350.000đ$.

[3.2] Ngày 06/01/2023 bị đơn Biện Thị Phước L có đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn và đề nghị được giảm tiền án phí do gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không đủ tài sản để nộp án phí. Áp dụng khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị đơn được giảm $\frac{1}{2}$ mức án phí phải chịu thành tiền 675.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 385, 401, 463, 466 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Thu L. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc bị đơn Biện Thị Phước L thống nhất trả cho nguyên đơn tổng số tiền 27.000.000đ (trong đó gốc 20.000.000đ + lãi 7.000.000đ) về khoản: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí: Buộc bị đơn Biện Thị Phước L phải chịu 675.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (02);
- Chi cục THADS huyện S (01);
- Đương sự (02);
- Lưu án văn, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Văn Trinh